



Trung bình

CLIMBER31 S3

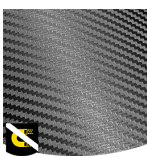
Giày an toàn c#t gi#n v#i kh# năng ki#m soát đ# bám đ# c#i thi#n

The CLIMBER31 safety shoe offers antistatic protection, heel energy absorption, and SR slip resistance. The breathable upper and composite toecap ensure comfort and safety across multiple industries.

| | |
|----------------------------|---|
| Những vật liệu cao cấp hơn | Da lộn, Dệt may |
| lớp lót bên trong | Lưới thép |
| giường đỡ chân | đế xốp SJ |
| đế giữa | Dệt chống thủng |
| đế ngoài | BASF PU |
| Đứng đầu | tổng hợp |
| Loại | S3 / SRC |
| Phạm vi kích thước | EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315 |
| trọng lượng thép | 0.660 kg |
| tiêu chuẩn hóa | ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2011 |



BLK



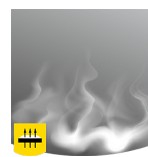
Kim lo#i mi#n phi

Giày an toàn không có kim loại thường nhẹ hơn giày an toàn thông thường. Chúng cũng rất có lợi cho các chuyên gia phải đi qua máy dò kim loại nhiều lần trong ngày.



ch#ng tĩnh đi#n

Giày chống tĩnh điện ngăn chặn sự phát triển của điện tích tĩnh và đảm bảo rằng chúng được thải ra một cách hiệu quả. Điện trở âm lượng giữa 100 KiloOhm và 1 GigaOhm



hàng đ#u thoáng khí

Tăng độ ẩm và kiểm soát nhiệt độ để mang lại cảm giác thoải mái khi mặc lâu hơn.



B#c mũi composite

Không chứa kim loại và nhẹ, không dẫn nhiệt hoặc dẫn điện



SRC

Đế chống trượt là một trong những tính năng quan trọng nhất của giày an toàn và giày bảo hộ lao động. Đế chống trượt SRC vượt qua cả bài kiểm tra trượt SRA và SRB, chúng được kiểm tra trên cả bề mặt thép và gốm.



h#p th# gót chân

Sự hấp thụ năng lượng ở gót chân làm giảm tác động của việc nhảy hoặc chạy lên cơ thể người mang.

Công nghiệp n:

lĩnh vực ô tô, phục vụ ăn uống, Hoá học, Làm sạch, Xây dựng, Thực phẩm & Đồ uống, hậu cần, Khai thác mỏ, Dầu khí, Ngành công nghiệp

Môi trường:

bề mặt không bằng phẳng

Các hàng dẫn ba số tri:

Để kéo dài tuổi thọ cho đôi giày của bạn, chúng tôi khuyên bạn nên làm sạch chúng thường xuyên và bảo vệ chúng bằng các sản phẩm phù hợp. Không làm khô giày trên bộ tản nhiệt hoặc gần nguồn nhiệt.

| S# miêu tả | Đơn vị đo lường | Kết quả | EN ISO 20345 |
|---|------------------------|-------------|--------------|
| Nhãn vệt liêu cao | Da lộn, Dệt may | | |
| Cấp hần | | | |
| Top: khả năng thấm hơi nước | mg/cm/giờ | 11.7 | ? 0.8 |
| Top: hệ số hơi nước | mg/cm ² | 101.6 | ? 15 |
| Lớp lót bên trong | Lõi thép | | |
| Lớp lót: thấm hơi nước | mg/cm/giờ | 86.9 | ? 2 |
| lót: hệ số hơi nước | mg/cm ² | 695.4 | ? 20 |
| giảm chấn | đệm xốp SJ | | |
| Đệm chân: chống mài mòn (khô/ướt) (chu kỳ) | chu kỳ | 25600/12800 | 25600/12800 |
| đệm ngoài | BASF PU | | |
| Chống mài mòn đế ngoài (giảm thể tích) | mm | 43 | ? 150 |
| Chống trơn trượt của đế ngoài SRA: gót chân | ma sát | 0.32 | ? 0.28 |
| Chống trơn trượt của đế ngoài SRA: Phẳng | ma sát | 0.32 | ? 0.32 |
| Chống trơn trượt của đế ngoài SRB: gót chân | ma sát | 0.16 | ? 0.13 |
| Chống trơn trượt của đế ngoài SRB: phẳng | ma sát | 0.18 | ? 0.18 |
| Giá trị chống tĩnh điện | megaohm | 125.6 | 0.1 - 1000 |
| Giá trị ESD | megaohm | N/A | 0.1 - 100 |
| Hấp thụ năng lượng của gót chân | J | 32 | ? 20 |
| Đệm đũa | tăng hần | | |
| Nắp mũi chống va đập (độ hở sau khi va chạm 100J) | mm | N/A | N/A |
| Nắp mũi chống nén (khe hở sau khi nén 10kN) | mm | N/A | N/A |
| Nắp mũi chống va đập (độ hở sau khi va chạm 200J) | mm | 16.0 | ? 14 |
| Nắp mũi chống nén (khe hở sau khi nén 15kN) | mm | 19.5 | ? 14 |

Kích thước thép: 42

Giày của chúng tôi không ngừng phát triển, dữ liệu kỹ thuật trên có thể thay đổi. Tất cả tên sản phẩm và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sử dụng hoặc sao chép dưới bất kỳ định dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.